

Số 12 /TB-ĐHNH-KTĐBCL

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 6 năm 2025

THÔNG BÁO

Kết quả phúc khảo bài thi kết thúc học phần học kỳ 2 (đợt 1) năm học 2024-2025
Hệ ĐH chính quy chuẩn, ĐH chất lượng cao, ĐH quốc tế song bằng

STT	MSSV	Họ và tên		Môn thi	Lớp thi	Điểm trước phúc khảo	Điểm sau phúc khảo
1	050512240132	Lê Tâm	Anh	Toán cao cấp 1	L42	6.5	6.5
2	050611230053	Nguyễn Bùi Phương	Anh	Tin học ứng dụng	L03	6.0	6.0
3	050812240002	Nguyễn Dương Huệ	Anh	Luật kinh doanh	L44	6.8	6.8
4	050512240005	Nguyễn Minh Đức	Anh	Toán cao cấp 1	L42	9.0	9.0
5	030739230017	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	Tư pháp quốc tế	D02	7.8	7.8
6	030738220041	Trần Bình	Đại	Kỹ năng giải quyết tranh chấp kinh doanh	D02	5.5	5.5
7	050112240450	Cao Thị Ngọc	Diễm	Kinh tế học vĩ mô	L21	6.0	6.0
8	030440240031	Nguyễn Ngọc	Diễm	Tiếng Anh 2 - Đọc 2	D06	6.3	6.3
9	030539230019	Lục Đình	Duy	Kế toán quản trị	D02	9.6	9.6
10	050212240044	Trương Quốc	Duy	Toán cao cấp 1	L47	7.5	7.5
11	050611230240	Lâm Thảo	Duyên	Tiếng Anh tăng cường 5	L21	1.9	2.4
12	030738220050	Nguyễn Thị Huỳnh	Giao	Kỹ năng giải quyết tranh chấp kinh doanh	D02	6.5	6.5
13	030138220109	Lâm Gia	Hân	Tài chính quốc tế	D04	6.3	6.3
14	050312240051	Lê Nguyễn Mai	Hân	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	L29	0.0	0.0

15	050112240547	Nguyễn Lâm Xuân	Hoa	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	L18	0.5	0.5
16	030139230122	Nguyễn Thị Hồng	Hung	Bảo hiểm	D02	6.3	6.3
17	050112240586	Nguyễn Huỳnh	Hương	Giới thiệu về khoa học máy tính	L01	7.3	7.3
18	030738220074	Nông Thị Thu	Hương	Kỹ năng giải quyết tranh chấp kinh doanh	D02	6.0	6.0
19	031040240009	Trần Thị	Hường	Nguyên lý kế toán	D11	7.5	7.5
20	030739230058	Nguyễn Thanh	Huy	Tư pháp quốc tế	D01	7.5	7.5
21	030239230075	Võ Quang	Huy	Phương pháp nghiên cứu khoa học	D01	7.5	7.5
22	030738220085	Trần Hà Thiên	Kim	Kỹ năng giải quyết tranh chấp kinh doanh	D02	6.5	6.5
23	050610220260	Nguyễn Ngọc	Lân	Tín dụng ngân hàng	TA10	8.2	8.2
24	030738220094	Phạm Nguyễn Thùy	Liên	Kỹ năng giải quyết tranh chấp kinh doanh	D02	7.5	6.5
25	030738220099	Lê Hồng	Linh	Kỹ năng giải quyết tranh chấp kinh doanh	D02	7.3	8.3
26	030838220114	Võ Diệu	Linh	Đàm phán kinh doanh quốc tế	D01	6.8	6.8
27	030738220107	Đặng Văn	Lương	Kỹ năng giải quyết tranh chấp kinh doanh	D02	7.5	6.0
28	030737210102	Trần Thị Phương	Ly	Kỹ năng giải quyết tranh chấp kinh doanh	D02	5.5	6.5
29	030238220127	Nguyễn Hoàng	Minh	Hệ thống thanh toán điện tử	D01	4.5	4.5
30	050611230659	Phan Lưu Công	Minh	Hoạt động kinh doanh ngân hàng	L02	4.5	5.8
31	030139230213	Trần Bảo	Minh	Tài chính quốc tế	D04	6.8	6.8
32	030338220086	Nguyễn Thu	Nga	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh	D03	8.3	9.7
33	030838220144	Nguyễn Ngọc Yến	Ngân	Đàm phán kinh doanh quốc tế	D01	6.2	6.2

34	030739230102	Lê Đông	Nghi	Luật thương mại 1	D04	4.8	4.8
35	030239230145	Nguyễn Trung	Nghĩa	Lập trình hướng đối tượng	D01	6.8	6.8
36	050611230824	Lê Thị Trường	Nguyên	Hoạt động kinh doanh ngân hàng	L07	8.0	8.0
37	030738220129	Nguyễn Vũ Thảo	Nguyên	Kỹ năng giải quyết tranh chấp kinh doanh	D02	6.8	6.3
38	050112240798	Lê Thị Yến	Nhi	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	L10	1.0	1.0
39	030338220107	Nguyễn Thị Hạnh	Nhi	Quản trị dự án	D01	9.0	9.0
40	050609212123	Nguyễn Thứ	Nữ	Tin học ứng dụng	L10	6.0	6.0
41	050611230954	Mai Hoàng	Nhung	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	L24	6.5	6.5
42	030838220191	Ngô Tấn	Phát	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế quốc tế	D01	6.1	6.6
43	030238220188	Ngô Tấn	Phong	Hệ thống thanh toán điện tử	D01	5.0	5.0
44	030239230186	Phạm Văn Gia	Phú	Quản trị thương hiệu	D03	7.0	7.0
45	030738220154	Lê Thị Mai	Phương	Kỹ năng giải quyết tranh chấp kinh doanh	D02	6.0	5.0
46	030738220155	Đỗ Phan Như	Quang	Kỹ năng giải quyết tranh chấp kinh doanh	D02	6.8	5.8
47	030738220156	Nguyễn Minh	Quang	Kỹ năng giải quyết tranh chấp kinh doanh	D02	5.5	4.5
48	030738220158	Lại Nguyễn Thảo	Quyen	Kỹ năng giải quyết tranh chấp kinh doanh	D02	6.0	8.0
49	030738220167	Huỳnh Như	Quỳnh	Kỹ năng giải quyết tranh chấp kinh doanh	D02	6.5	6.0
50	030838220214	Lê Thị Diễm	Quỳnh	Đàm phán kinh doanh quốc tế	D01	7.4	7.8
51	031040240017	Bùi Quốc	Son	Kinh tế học vĩ mô	D13	5.5	5.5
52	030738220178	Võ Bảo Minh	Tâm	Kỹ năng giải quyết tranh chấp kinh doanh	D02	6.0	6.0

53	030738220184	Lương Thị Phương	Thảo	Kỹ năng giải quyết tranh chấp kinh doanh	D02	6.5	7.0
54	050611231153	Nguyễn Thị Hiếu	Thảo	Tiếng Anh tăng cường 5	L18	2.9	4.4
55	030738220185	Phan Phương	Thảo	Kỹ năng giải quyết tranh chấp kinh doanh	D02	7.0	7.0
56	030539230124	Trần Thị Anh	Thơ	Hệ thống thông tin kế toán	D01	7.5	7.5
57	030839230228	Nguyễn Đan	Thu	Tài chính quốc tế	D01	1.8	1.8
58	030538220120	Lê Thị Minh	Thư	Hệ thống thông tin kế toán	D02	6.5	6.5
59	030738220198	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	Kỹ năng giải quyết tranh chấp kinh doanh	D02	5.5	5.5
60	030839230233	Nguyễn Ngọc Thanh	Thư	Logistics quốc tế	D03	7.0	7.0
61	030738220199	Nguyễn Thị Anh	Thư	Kỹ năng giải quyết tranh chấp kinh doanh	D02	5.5	5.5
62	050611231230	Phạm Khuê Cát	Thư	Hoạt động kinh doanh ngân hàng	TA07	6.5	6.5
63	030738220200	Tôn Lan	Thư	Kỹ năng giải quyết tranh chấp kinh doanh	D02	6.5	6.5
64	031340240031	Trần Thị Anh	Thư	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	D04	1.8	1.8
65	050312240180	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	L30	5.5	5.5
66	050112241052	Nguyễn Ngọc	Trâm	Kinh tế học vĩ mô	L21	6.3	6.3
67	050610221449	Lê Vũ Hồng	Trân	Tín dụng ngân hàng	TA09	8.8	8.8
68	030738220211	Nguyễn Thị Mỹ	Trân	Kỹ năng giải quyết tranh chấp kinh doanh	D02	6.8	6.8
69	030739230195	Dương Quỳnh	Trang	Luật thương mại 1	D04	2.0	2.0
70	050610220632	Lê Nguyễn Thiên	Trang	Hành vi tổ chức (Tiếng Anh)	TA26	4.8	4.8
71	030838220266	Nguyễn Thùy	Trang	Kinh tế vi mô 2	D01	3.0	3.0

72	050312240188	Võ Ngọc Tú	Trang	Luật kinh doanh	L32	6.2	6.2
73	030440240193	Nguyễn Thiên Yên	Triều	Tiếng Anh 2 - Đọc 2	D04	8.5	8.5
74	030738220212	Đỗ Kiều	Trinh	Kỹ năng giải quyết tranh chấp kinh doanh	D02	6.0	6.0
75	030738220215	Nguyễn Thị	Trinh	Kỹ năng giải quyết tranh chấp kinh doanh	D01	5.0	5.0
76	030839230448	Võ Thị Đình	Tuyền	Tài chính quốc tế	D04	3.9	3.9
77	030140240287	Nguyễn Thị Phương	Uyên	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	D15	8.5	8.5
78	030738220243	Võ Ngọc Thảo	Vi	Kỹ năng giải quyết tranh chấp kinh doanh	D02	4.8	4.8
79	050611231552	Nguyễn Công	Vinh	Thuế	L01	7.8	7.8
80	050112241133	Dương Tường	Vy	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	L09	5.0	5.0
81	050112241166	Hồ Mai Như	Ý	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	L10	1.5	1.5
82	050610220772	Trần Hải	Yến	Tín dụng ngân hàng	TA09	8.6	8.6
83	030140240313	Trương Thị Hải	Yến	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	D17	8.5	8.5

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

Huỳnh Đỗ Bảo Châu